TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 4 năm 2023
V/v: *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Giáp Thị Loan
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Chấn
2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Trang.
Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên

Trong ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961

Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Diên A, sinh năm 1962 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án bà Nguyễn Thị T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Diên A về chung sống với nhau ngày 20/01/1982 (âm lịch) trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu yêu thương nhau nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương. Trong quá trình chung sống bà và ông A có 03 con chung. Tuy nhiên, trong thời gian từ năm 2020 đến nay, giữa bà và ông A có mâu thuẫn trầm trọng, căng thẳng, không có tiếng nói chung trong việc phát triển kinh tế. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Đến nay bà xác định giữa bà và ông A không còn tình cảm, không có tiếng nói

chung, mâu thuẫn đã trầm trọng, do vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa bà và ông A.

Về con chung: Bà và ông A có 3 người con chung là anh Nguyễn Thế N, sinh năm 1982; chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1984; chị Nguyễn Thùy Nh, sinh năm 1991. Các con đã trưởng thành, đều lập gia đình riêng, bà T không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà T không đề nghị Tòa án giải quyết.

**** Tại biên bản lấy lời khai và quá trình tiến hành tố tụng ông Nguyễn Diên A trình bày:*** Ông và bà T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1982 nhưng không đăng ký kết hôn và đã có 03 con chung như bà T trình bày. Đến năm 2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, không thống nhất trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế và quan hệ vợ chồng. Nay bà T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, ông A đồng ý ly hôn. Về con chung: Ông A thống nhất với trình bày của bà T có 03 người con chung, đã trưởng thành, có gia đình riêng, ông A không đề nghị giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: Ông A không đề nghị giải quyết.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông A, bà T đều vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt. Do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được giữa các bên đương sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/3/2023 cho bà T và ông A. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Diên A vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án.

- Ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T ly hôn với ông Nguyễn Diên A.

+ Về án phí: Bà Nguyễn Thị T được miễn án phí DSST do là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị T có đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Diên A nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS) xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Diên A là bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Nguyễn Diên A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt bà T và ông A.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Theo bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Diên A đều trình bày ông, bà về chung sống cùng nhau từ năm 1982 (âm lịch) trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu yêu thương nhau. Hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng ông, bà không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống ông, bà có 03 con chung là anh Nguyễn Thế N, sinh ngày 14/10/1982; chị Nguyễn Thị Th, sinh ngày 29/9/1984; chị Nguyễn Thị Nhung, sinh ngày 03/8/1991.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân (viết tắt: UBND) thị trấn Đồi Ngô có kết quả: Qua kiểm tra hồ sơ sổ sách lưu trữ đăng ký kết hôn thì hồ sơ sổ sách từ năm 1983 UBND thị trấn Đồi Ngô không lưu trữ được. UBND thị trấn Đồi Ngô chỉ lưu trữ được sổ sách đăng ký kết hôn từ năm 1997 cho đến nay. Việc bà T, ông A có đăng ký kết hôn hay không UBND thị trấn Đồi Ngô không nắm được. Tuy nhiên, ông A và bà T có thời gian chung sống cùng nhau nhiều năm từ khoảng năm 1983 cho đến nay.

Hôn nhân giữa bà T và ông A mặc dù các bên không đăng ký kết hôn theo quy định nhưng vẫn được xác định đây là hôn nhân thực tế.

Theo quy định tại điểm 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 Hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội *"Về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình"*, có hướng dẫn như sau: *"...trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Tòa án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn…".* Do vậy, Toà

án thụ lý giải quyết về ly hôn giữa bà T, ông A là phù hợp với quy định pháp luật.

Quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Theo bà T trình bày, cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc. Đến năm 2020 vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không có tiếng nói chung trong phát triển kinh tế Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Đến nay bà xác định giữa bà và ông A không còn tình cảm, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn đã trầm trọng, do vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2023 ông A trình bày thống nhất về thời gian chung sống cùng nhau, có 03 con chung như bà T trình bày. Vợ chồng ông đã chấm dứt quan hệ tình cảm từ năm 2020 cho đến nay. Bà T có đơn xin ly hôn, ông A đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Cuộc sống vợ chồng giữa bà T, ông A thời gian đầu hạnh phúc, hai bên đều thừa nhận từ năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nay bà T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, thì ông A đồng ý ly hôn. Tòa án đã mở phiên họp hòa giải nhưng bà T, ông A đều không có mặt để tham gia hòa giải và không có mặt để tham gia phiên tòa xét xử. Như vậy, xác định bà T, ông A không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà T được ly hôn ông A là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà T, ông A có 03 con chung như trình bày ở trên. Hiện nay các con của bà T, ông A phát triển bình thường, đều đã có gia đình riêng, bà T, ông A đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công nợ: Bà T, ông A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà T không phải chịu án phí do là người cao tuổi là phù hợp với quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 92, 147, 227, 228, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Nguyễn Diên A.

2.2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

2.3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- CCTHADS huyện Lục Nam;
- UBND TT Đồi Ngô, huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giáp Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chấn **Đỗ Thị Hoài Mơ** **Giáp Thị Loan**